

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết Luật Thương mại
về hoạt động xúc tiến thương mại**

Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2020.

Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.¹

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;²

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

¹ Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;”

² Quy định này được bổ sung tại phần căn cứ ban hành của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về một số hoạt động xúc tiến thương mại, bao gồm khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thương nhân thực hiện khuyến mại, gồm:

a) Thương nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trực tiếp thực hiện khuyến mại hoặc thực hiện khuyến mại thông qua các thương nhân phân phối (bán buôn, bán lẻ, đại lý, nhượng quyền thương mại và các thương nhân phân phối khác theo quy định của pháp luật);

b) Thương nhân kinh doanh dịch vụ khuyến mại thực hiện khuyến mại cho hàng hóa, dịch vụ của thương nhân khác theo thỏa thuận với thương nhân đó.

2. Thương nhân trực tiếp tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, gồm:

a) Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại hoặc tổ chức cho các thương nhân khác, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại);

b) Thương nhân trực tiếp hoặc thuê thương nhân khác tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cho riêng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà mình kinh doanh.

3. Các tổ chức, cá nhân hoạt động có liên quan đến thương mại, các đối tượng có quyền hoạt động xúc tiến thương mại quy định tại Điều 91, Điều 131 Luật Thương mại khi thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương II **KHUYẾN MẠI**

Mục 1

NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI, HẠN MỨC TỐI ĐA GIÁ TRỊ CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DÙNG ĐỂ KHUYẾN MẠI VÀ MỨC GIẢM GIÁ TỐI ĐA ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐƯỢC KHUYẾN MẠI

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện khuyến mại

1. Chương trình khuyến mại phải được thực hiện hợp pháp, trung thực, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, của các thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thương nhân thực hiện Chương trình khuyến mại phải bảo đảm những điều kiện thuận lợi cho khách hàng trúng thưởng nhận giải thưởng và có nghĩa vụ giải quyết các khiếu nại (nếu có) liên quan đến chương trình khuyến mại.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại có trách nhiệm bảo đảm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4. Việc thực hiện khuyến mại phải đảm bảo:

a) Không đưa ra điều kiện để khách hàng được hưởng khuyến mại là phải từ bỏ, từ chối hoặc đổi hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác;

b) Không có sự so sánh trực tiếp hàng hóa, dịch vụ của mình với hàng hóa, dịch vụ của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân khác.

5. Không được sử dụng kết quả xổ số để làm kết quả xác định trúng thưởng, làm căn cứ để tặng, thưởng trong các chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại.

Điều 4. Hoạt động khuyến mại theo phương thức đa cấp

1. Doanh nghiệp không đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp không được thực hiện khuyến mại theo mô hình đa cấp, trong đó đối tượng khuyến mại gồm nhiều cấp, nhiều nhánh, người trước được hưởng lợi ích từ việc mua hàng của người sau.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp được thực hiện các hoạt động khuyến mại theo quy định của pháp luật nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 5. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại

Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, dùng để khuyến mại thực hiện theo quy định của Luật thương mại và các quy định cụ thể sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, sữa thay thế sữa mẹ, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), dịch vụ khám, chữa bệnh của cơ sở y tế công lập, dịch vụ giáo dục của cơ sở công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ khác bị cấm khuyến mại theo quy định của pháp luật.

2. Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không bao gồm rượu, xổ số, thuốc lá, thuốc chữa bệnh cho người kể cả các loại thuốc đã được phép lưu thông theo quy định của Bộ Y tế (trừ trường hợp khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc), hàng hóa, dịch vụ bị cấm lưu hành tại Việt Nam và các hàng hóa, dịch vụ bị cấm khuyến mại khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiền có thể được sử dụng như hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trừ các trường hợp khuyến mại theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 11 Nghị định này.

Điều 6. Hạn mức tối đa về giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

1.³ Giá trị vật chất dùng để khuyến mại cho một đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá bán ngay trước thời gian khuyến mại của đơn vị hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại đó, trừ trường hợp khuyến mại bằng các hình thức quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại, Điều 8, khoản 2 Điều 9, Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định này.

2.⁴ Tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại trong một chương trình khuyến mại không được vượt quá 50% tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại, trừ trường hợp khuyến mại bằng hình thức quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại, Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

3. Giá trị hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp thương nhân thực hiện khuyến mại không trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hàng hóa hoặc không trực tiếp cung ứng dịch vụ dùng để khuyến mại, giá trị được tính bằng giá thanh toán của thương nhân thực hiện khuyến mại để mua hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại hoặc giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại tại thời điểm công bố;

b) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là hàng hóa của thương nhân đó trực tiếp sản xuất, nhập khẩu hoặc cung ứng dịch vụ, giá trị được tính bằng giá thành hoặc giá nhập khẩu của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại.

4.⁵ Trong các trường hợp tổ chức chương trình khuyến mại tập trung thì áp dụng hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại là 100%.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

Hạn mức tối đa về giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại 100% cũng được áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

5. Chương trình khuyến mại tập trung theo quy định tại khoản 4 Điều này gồm:

a)⁶ Cơ quan nhà nước (cấp trung ương và cấp tỉnh) ban hành quyết định tổ chức thực hiện chương trình khuyến mại tập trung nhằm thực hiện các chính sách phát triển kinh tế có mục tiêu của Quốc gia, của địa phương. Nhà nước có chính sách khuyến khích việc tổ chức các chương trình khuyến mại tập trung. Mọi thương nhân đều được quyền tham gia vào các chương trình;

b) Các đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết theo quy định của pháp luật lao động, gồm:

- Đợt Tết Âm lịch: 30 ngày ngay trước ngày đầu tiên của năm Âm lịch;

- Các ngày nghỉ lễ, tết khác. Thời hạn khuyến mại của từng đợt khuyến mại vào các dịp lễ, tết không được vượt quá thời gian nghỉ của các dịp lễ, tết tương ứng theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 7. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại

1. Mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại không được vượt quá 50% giá hàng hóa, dịch vụ đó ngay trước thời gian khuyến mại.

2.⁷ Trong các trường hợp tổ chức chương trình khuyến mại tập trung theo quy định tại khoản 5 Điều 6 thì áp dụng mức giảm giá tối đa đối với hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại là 100%. Mức giảm giá tối đa 100% cũng áp dụng đối với các hoạt động khuyến mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Không áp dụng hạn mức giảm giá tối đa khi thực hiện khuyến mại giảm giá cho:

a) Hàng hóa dịch vụ khi thực hiện chính sách bình ổn giá của Nhà nước;

b) Hàng thực phẩm tươi sống;

⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

c) Hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp doanh nghiệp phá sản, giải thể, thay đổi địa điểm, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

Mục 2 **CÁC HÌNH THỨC KHUYẾN MẠI**

Điều 8. Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền

1. Hàng mẫu đưa cho khách hàng, dịch vụ mẫu cung ứng cho khách hàng dùng thử phải là hàng hóa, dịch vụ được kinh doanh hợp pháp mà thương nhân đang hoặc sẽ bán, cung ứng trên thị trường.

2. Khi nhận hàng mẫu, dịch vụ mẫu, khách hàng không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào.

3. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng mẫu, dịch vụ mẫu và phải thông báo cho khách hàng đầy đủ thông tin liên quan đến việc sử dụng hàng mẫu, dịch vụ mẫu.

Điều 9. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền

Thương nhân thực hiện khuyến mại tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền theo cách thức sau:

1. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền có kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

2. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền không kèm theo việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Điều 10. Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá)

1. Trong trường hợp thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá thì mức giảm giá hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại trong thời gian khuyến mại tại bất kỳ thời điểm nào phải tuân thủ quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Không được giảm giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ trong trường hợp giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện Nhà nước định giá cụ thể.

3. Không được giảm giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ xuống thấp hơn mức giá tối thiểu trong trường hợp giá bán hàng hóa, giá cung ứng dịch vụ thuộc diện Nhà nước quy định khung giá hoặc quy định giá tối thiểu.

4. Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức khuyến mại này để bán phá giá hàng hóa, dịch vụ.

5. Tổng thời gian thực hiện khuyến mại bằng hình thức giảm giá đối với một loại nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ không được vượt quá 120 ngày trong một năm, không bao gồm thời gian thực hiện khuyến mại của các chương trình khuyến mại bằng hình thức giảm giá trong khuôn khổ các chương trình khuyến mại tập trung và các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 11. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ

1. Phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ kèm theo hàng hóa được bán, dịch vụ được cung ứng là phiếu để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của chính thương nhân đó hoặc để mua hàng hóa, nhận cung ứng dịch vụ của thương nhân, tổ chức khác.

2. Giá trị tối đa của phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ được tặng kèm theo một đơn vị hàng hóa được bán, dịch vụ được cung ứng trong thời gian khuyến mại phải tuân thủ quy định hạn mức tối đa về giá trị vật chất dùng để khuyến mại quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. Nội dung của phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật Thương mại.

Điều 12. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương)

1. Nội dung của chương trình thi phải bao gồm các thông tin liên quan được quy định tại Điều 97 Luật Thương mại và không được trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.

2. Việc tổ chức thi và mở thưởng phải được tổ chức công khai, có sự chứng kiến của đại diện khách hàng và phải được thông báo cho Sở Công Thương nơi tổ chức thi, mở thưởng trước ngày tổ chức thi, mở thưởng. Trường hợp chương trình khuyến mại có tổng giá trị giải thưởng dưới 100 triệu đồng thì thương nhân không phải thông báo cho Sở Công Thương theo quy định tại khoản này.

3. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tổ chức thi và trao giải thưởng theo thể lệ và giải thưởng mà thương nhân đã công bố.

Điều 13. Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi)

1. Việc xác định trúng thưởng trong chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải được tổ chức công khai, theo thể lệ đã công bố, có sự chứng kiến của khách hàng và phải được lập thành biên bản.

2. Trong trường hợp bằng chứng xác định trúng thưởng được phát hành kèm theo hàng hóa (gắn kèm, đính kèm, đặt bên trong hàng hóa hoặc các cách thức khác tương tự), thương nhân thực hiện khuyến mại phải thông báo về thời gian và địa điểm thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hoá cho Sở Công Thương nơi thực hiện việc phát hành kèm bằng chứng xác định trúng thưởng vào hàng hóa trước khi thực hiện.

3. Bằng chứng xác định trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Được thể hiện dưới dạng vật chất (vé số, phiếu, thẻ dự thưởng; phiếu rút thăm, bốc thăm, quay số; thẻ, tem, phiếu cào; tem, phiếu trúng thưởng; nắp, nút, đáy, vỏ, thân của bao bì sản phẩm hoặc của sản phẩm; chính giải thưởng) hoặc thông điệp dữ liệu (tin nhắn; thư điện tử; mã code, mã giao dịch, mã khách hàng, mã sản phẩm) hoặc các hình thức khác có giá trị tương đương để làm căn cứ cho việc xác định trúng thưởng qua cách thức ngẫu nhiên;

b) Có hình thức khác với xổ số do nhà nước độc quyền phát hành và không được sử dụng kết quả xổ số của Nhà nước để làm kết quả xác định trúng thưởng.

4. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại mang tính may rủi phải trích 50% giá trị giải thưởng đã công bố vào ngân sách nhà nước trong trường hợp không có người trúng thưởng.

5. Giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại mang tính may rủi quy định tại khoản 4 Điều này là giải thưởng trong trường hợp hết thời hạn trao thưởng nhưng không có người nhận hoặc không xác định được người trúng thưởng.

Điều 14. Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác

1. Thương nhân thực hiện khuyến mại phải tuân thủ quy định về thông báo các thông tin liên quan tại Điều 97 Luật Thương mại; có trách nhiệm xác nhận kịp thời, chính xác sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên.

2. Nội dung thông tin được thể hiện và lưu trữ trên thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức tương đương phải bao gồm:

a) Tên thẻ, phiếu và thông tin về khách hàng (họ và tên, chứng minh nhân dân/căn cước công dân/Hộ chiếu);

b) Điều kiện và cách thức ghi nhận sự tham gia của khách hàng vào chương trình khách hàng thường xuyên. Trong trường hợp không thể hiện đầy đủ các nội dung nêu tại điểm này thì phải cung cấp đầy đủ, kịp thời các nội dung đó cho khách hàng khi khách hàng bắt đầu tham gia vào chương trình;

c) Số lượng, trị giá hàng hóa do khách hàng mua phải thể hiện rõ trong thông tin của thẻ, phiếu để làm căn cứ xác định lợi ích mà khách hàng được tặng thưởng; điều kiện chi tiết về số lượng, trị giá hàng hóa, dịch vụ do khách mua, sử dụng để được nhận thưởng.

Điều 15. Khuyến mại hàng hóa, dịch vụ mà quá trình thực hiện có sử dụng internet, phương tiện, thiết bị điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin

1. Thương nhân khi thực hiện các hoạt động, chương trình khuyến mại trong đó quá trình thực hiện có sử dụng mạng internet, phương tiện điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin hoặc các phương tiện, công cụ khác phải tuân thủ các quy định về khuyến mại của Luật Thương mại, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Thương nhân cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến (sàn) chịu trách nhiệm:

a) Đảm bảo các nội dung thông tin về hoạt động khuyến mại được công bố trên sàn phải tuân thủ pháp luật về khuyến mại, giao dịch điện tử, quảng cáo và pháp luật có liên quan;

b) Yêu cầu thương nhân thực hiện khuyến mại trên sàn cung cấp thông tin về hoạt động khuyến mại;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của thương nhân thực hiện khuyến mại trên sàn được thực hiện chính xác, đầy đủ;

d) Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi khuyến mại vi phạm pháp luật trên sàn;

đ) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước điều tra, kiểm tra, giám sát các hành vi khuyến mại vi phạm pháp luật, cung cấp thông tin đăng ký, lịch sử giao dịch và các tài liệu khác về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên sàn;

e) Chịu trách nhiệm của bên thứ ba trong việc cung cấp thông tin về hoạt động khuyến mại cho người tiêu dùng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Mục 3**THÔNG BÁO, ĐĂNG KÝ, CÔNG BỐ, BÁO CÁO KẾT QUẢ, CHẤM DỨT THỰC HIỆN KHUYẾN MẠI****Điều 16. Nghĩa vụ của thương nhân thực hiện khuyến mại**

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Thông báo, đăng ký thực hiện khuyến mại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về chương trình khuyến mại (trừ trường hợp thuê thương nhân kinh doanh dịch vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này);

c) Cung cấp cho khách hàng, các thương nhân phân phối và các bên liên quan đầy đủ, chính xác và rõ ràng các nội dung thông tin phải thông báo công khai theo quy định tại Điều 97 Luật Thương mại;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 96 Luật Thương mại và Nghị định này.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định này:

a) Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 96 Luật Thương mại và Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng đối với các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng dịch vụ khuyến mại.

Điều 17. Thông báo hoạt động khuyến mại

1.⁸ Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính thông báo hoạt động khuyến mại đến tất cả các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại (tại địa bàn thực hiện khuyến mại) trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 12 và Điều 14 Nghị định này trừ các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Sở Công Thương tối thiểu trước 03 ngày làm việc trước khi thực hiện khuyến mại (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến).

⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2.⁹ Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo thực hiện khuyến mại:

a) Thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật Thương mại và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định này;

b) Thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị định này có tổng giá trị giải thưởng, quà tặng dưới 100 triệu đồng;

c) Chỉ thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức khuyến mại quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị định này cho hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng thông qua sàn giao dịch thương mại điện tử, ứng dụng sàn giao dịch thương mại điện tử, website khuyến mại trực tuyến và ứng dụng khuyến mại trực tuyến.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Nộp 01 hồ sơ thông báo qua dịch vụ bưu chính¹⁰ đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

b) Nộp 01 hồ sơ thông báo trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c)¹¹ (được bãi bỏ);

d)¹² Nộp 01 hồ sơ thông báo qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

4. Hồ sơ thông báo bao gồm 01 Thông báo thực hiện khuyến mại theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Nội dung thông báo thực hiện khuyến mại bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện khuyến mại;

b) Tên chương trình khuyến mại;

⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹⁰ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹² Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

c) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

d) Hình thức khuyến mại;

đ) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

e) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

g) Thời gian thực hiện khuyến mại;

h) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);

i) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;

k) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại.

l) Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại thì phải nêu rõ tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình.

6. Thông tin về chương trình khuyến mại mà thương nhân đã thông báo phải được cơ quan quản lý nhà nước công khai bằng các hình thức phù hợp (văn bản, trang tin điện tử hoặc các hình thức khác có tác dụng tương đương) và không sớm hơn thời gian bắt đầu của chương trình khuyến mại. Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện;

b) Nội dung chi tiết chương trình;

c) Thời gian thực hiện khuyến mại;

d) Địa bàn thực hiện khuyến mại.

Điều 18. Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung Chương trình khuyến mại

1. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đã được thông báo đến Sở Công Thương trước đó, thương nhân trước khi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến Sở Công Thương nơi đã thông báo thực hiện khuyến mại. Hồ sơ thông báo gồm 01 văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại thực hiện theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức thông báo sau:

a) Nộp 01 hồ sơ qua dịch vụ bưu chính¹³ đến các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

b) Nộp 01 hồ sơ trực tiếp tại trụ sở các Sở Công Thương nơi tổ chức khuyến mại;

c)¹⁴ (được bãi bỏ);

d)¹⁵ Nộp 01 hồ sơ thông báo qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

3. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các khách hàng đã tham gia chương trình trước khi chương trình được sửa đổi, bổ sung nội dung.

Điều 19. Đăng ký hoạt động khuyến mại

1. Thương nhân thực hiện thủ tục hành chính đăng ký hoạt động khuyến mại và phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận trước khi thực hiện chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật thương mại.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sở Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Bộ Công Thương đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên và chương trình khuyến mại theo các hình thức khác.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

¹³ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹⁴ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua dịch vụ bưu chính¹⁶ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c)¹⁷ Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công Thương (trong trường hợp thực hiện trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (trong trường hợp thực hiện trên địa bàn từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

4. Hồ sơ đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại bao gồm:

a) 01 Đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 Thẻ lệ chương trình khuyến mại theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định;

c) Mẫu bằng chứng xác định trúng thưởng hoặc mô tả chi tiết về bằng chứng xác định trúng thưởng;

d)¹⁸ (được bãi bỏ).

5. Nội dung đăng ký thực hiện khuyến mại bao gồm:

a) Tên thương nhân thực hiện khuyến mại;

b) Tên chương trình khuyến mại;

c) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);

d) Hình thức khuyến mại;

đ) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;

e) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

¹⁶ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

¹⁸ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

- g) Thời gian thực hiện khuyến mại;
- h) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);
- i) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng của chương trình khuyến mại;
- k) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại (thể lệ chương trình khuyến mại);
- l) Trường hợp nhiều thương nhân cùng phối hợp thực hiện chương trình khuyến mại thì nội dung đăng ký phải nêu rõ tên của các thương nhân cùng thực hiện, nội dung tham gia cụ thể và trách nhiệm cụ thể của từng thương nhân tham gia thực hiện trong chương trình.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn dịch vụ bưu chính¹⁹ hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính²⁰, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 04 hoặc Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Trường hợp Bộ Công Thương là cơ quan xác nhận đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại, Bộ Công Thương cung cấp cho Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức khuyến mại nội dung chương trình đã được xác nhận để phối hợp quản lý.

8. Thông tin về chương trình khuyến mại mà thương nhân đã đăng ký và được xác nhận phải được cơ quan quản lý nhà nước công khai bằng các hình thức phù hợp (văn bản, trang tin điện tử hoặc các hình thức khác có tác dụng tương

¹⁹ Cụm từ “vận đơn bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “vận đơn dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²⁰ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

đương) và không sớm hơn thời gian bắt đầu của chương trình khuyến mại. Nội dung thông tin phải công khai bao gồm:

- a) Tên thương nhân thực hiện;
- b) Nội dung chi tiết chương trình khuyến mại;
- c) Thời gian thực hiện khuyến mại;
- d) Địa bàn thực hiện khuyến mại.

Điều 20. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại

1.²¹ Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đã được xác nhận đăng ký trước đó, thương nhân trước khi sửa đổi, bổ sung phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đến cơ quan quản lý nhà nước nơi đã đăng ký. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung bao gồm 01 văn bản thực hiện theo Mẫu số 06a Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

- a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua dịch vụ bưu chính²² đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- c)²³ Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Công Thương (trong trường hợp thực hiện trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (trong trường hợp thực hiện trên địa bàn từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

²¹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²² Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn dịch vụ bưu chính²⁴ hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính²⁵, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến), cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền xem xét, trả lời xác nhận hoặc không xác nhận việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại của thương nhân; trong trường hợp không xác nhận, phải nêu rõ lý do theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bộ Công Thương là cơ quan xác nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại, Bộ Công Thương cung cấp cho Sở Công Thương nơi thương nhân tổ chức khuyến mại nội dung chương trình đã được xác nhận sửa đổi, bổ sung để phối hợp quản lý.

5. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các khách hàng đã tham gia chương trình trước khi chương trình được sửa đổi, bổ sung nội dung.

Điều 21. Công bố kết quả, trao thưởng và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại

1.²⁶ Trong trường hợp thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại, thời hạn công bố kết quả trúng thưởng và trao giải thưởng của chương trình không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện khuyến mại, trừ các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

²⁴ Cụm từ “vận đơn bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “vận đơn dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²⁵ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

2.²⁷ Báo cáo kết quả thực hiện chương trình khuyến mại:

a) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn trao giải thưởng của chương trình khuyến mại theo hình thức quy định tại Điều 13 Nghị định này và các hình thức khác theo quy định tại khoản 9 Điều 92 Luật Thương mại, thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nơi đã đăng ký và được xác nhận) về kết quả thực hiện chương trình khuyến mại theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp phải trích nộp 50% giá trị giải thưởng không có người trúng thưởng vào ngân sách nhà nước, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo của thương nhân, cơ quan quản lý nhà nước ra quyết định thu nộp 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi nhận được quyết định thu nộp của cơ quan quản lý nhà nước, thương nhân có trách nhiệm nộp Khoản tiền 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại theo quyết định. Các chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo kết quả và liên quan đến việc thực hiện chương trình khuyến mại phải được thương nhân lưu trữ và chịu trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

b) Thương nhân thực hiện khuyến mại theo các hình thức quy định tại khoản 8 Điều 92 Luật Thương mại, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 14 Nghị định này không phải báo cáo kết quả thực hiện khuyến mại.

3. Thương nhân thực hiện chương trình khuyến mại theo các hình thức ngoài các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này có trách nhiệm thông báo công khai thông tin về kết quả thực hiện khuyến mại tại địa điểm khuyến mại hoặc trên phương tiện thông tin hoặc trên website của thương nhân (nếu có website). Nội dung thông tin phải thông báo công khai gồm:

- a) Tên chương trình khuyến mại;
- b) Địa bàn thực hiện khuyến mại (các tỉnh, thành phố nơi thương nhân thực hiện khuyến mại);
- c) Hình thức khuyến mại;
- d) Hàng hóa, dịch vụ được khuyến mại;
- đ) Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại (giải thưởng, quà tặng);

²⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

- e) Thời gian thực hiện khuyến mại;
- g) Khách hàng của chương trình khuyến mại (đối tượng hưởng khuyến mại);
- h) Cơ cấu giải thưởng và tổng giá trị giải thưởng đã trao của chương trình khuyến mại.

Điều 22. Chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại

Thương nhân thực hiện khuyến mại không được chấm dứt việc thực hiện chương trình khuyến mại trước thời hạn đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận, trừ các trường hợp quy định dưới đây:

1. Trong trường hợp bất khả kháng, việc chấm dứt chương trình khuyến mại trước thời hạn phải được thông báo công khai tới khách hàng và cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền.

2. Trong trường hợp thương nhân thực hiện khuyến mại hết số lượng hàng hóa, dịch vụ khuyến mại hoặc hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, phát hành hết số lượng bằng chứng xác định trúng thưởng đã công bố hoặc đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận, việc chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại chỉ được thực hiện sau khi thương nhân thực hiện thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và phải đảm bảo đầy đủ quyền lợi khách hàng đã tham gia chương trình.

3. Trong trường hợp bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần chương trình khuyến mại của thương nhân, việc chấm dứt thực hiện chương trình phải được thương nhân công bố công khai theo một trong các cách thức quy định tại Điều 98 Luật Thương mại, trên website của thương nhân (nếu có website) và phải đảm bảo thương nhân sẽ thực hiện đầy đủ các cam kết với khách hàng đã tham gia chương trình khuyến mại đó; trừ trường hợp trong chương trình khuyến mại đó có sử dụng hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, hàng hóa chưa được phép lưu thông, dịch vụ chưa được phép cung ứng để khuyến mại hoặc có sử dụng rượu, bia để khuyến mại cho người dưới 18 tuổi hoặc có sử dụng thuốc lá, rượu, thuốc chữa bệnh để khuyến mại (trừ trường hợp dùng thuốc chữa bệnh để khuyến mại cho thương nhân kinh doanh thuốc) dưới mọi hình thức. Thương nhân bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu chấm dứt thực hiện chương trình khuyến mại khi:

- a) Vi phạm các quy định tại Điều 100 Luật Thương mại và Điều 3 Nghị định này;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung trong thể lệ chương trình khuyến mại đã đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền.

Chương III **HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI**

Mục 1 **HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TRUNG BÀY, GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ,** **TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI**

Điều 23. Ghi nhãn hàng hóa đối với hàng hóa trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.

1. Hàng hóa trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam phải có nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

2. Hàng hóa tạm nhập khẩu để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam phải thực hiện theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

Điều 24. Trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ để so sánh với hàng thật

1. Việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được nêu rõ trong nội dung đăng ký khi thương nhân thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi được trưng bày phải niêm yết rõ hàng hóa đó là hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 25. Sử dụng tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại khi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại có quyền chọn tên, chủ đề hội chợ, triển lãm thương mại không trái pháp luật, trái với đạo đức, phong tục, tập quán, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam.

2. Trường hợp tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại sử dụng những từ ngữ để quảng bá chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ hoặc uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ triển lãm thương mại thì thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại khi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Có bằng chứng chứng minh chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký;

b) Có bằng chứng chứng minh uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phù hợp với tên, chủ đề của hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký.

Điều 26. Cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại

1. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tổ chức cấp giải thưởng) phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được nêu rõ trong nội dung đăng ký khi thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại thực hiện các thủ tục hành chính đăng ký hoặc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

2. Việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và các nguyên tắc sau:

a) Chỉ được tổ chức cấp giải thưởng cho các thương nhân, tổ chức, cá nhân có đăng ký tham gia việc cấp giải thưởng trong hội chợ, triển lãm thương mại;

b) Không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp;

c) Đảm bảo công khai, khách quan, công bằng trên cơ sở tự nguyện của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ;

d) Tên giải thưởng, danh hiệu phải bao gồm tên hội chợ, triển lãm thương mại mà thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia và không trái pháp luật, trái với đạo đức, phong tục, tập quán, thuần phong, mỹ tục của Việt Nam;

đ) Không huy động kinh phí dưới mọi hình thức đối với các thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng;

e) Không lợi dụng việc cấp giải thưởng và các giải thưởng để có hành vi vi phạm pháp luật;

g) Không ép buộc thương nhân, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia cấp giải thưởng.

Điều 27. Tạm nhập tái xuất hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam; tạm xuất tái nhập hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài

Việc tạm nhập tái xuất hàng hóa tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam; tạm xuất tái nhập hàng hóa, dịch vụ tham gia hội chợ, triển lãm thương

mại ở nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TỔ CHỨC, THAM GIA HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI

Điều 28. Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm thương mại

1. Nghĩa vụ của thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại
 - a) Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - b) Có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng hoặc tổ chức, cá nhân về hội chợ, triển lãm thương mại; về hàng hóa trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;
 - c) Cung cấp đến thương nhân tham gia đầy đủ, chính xác thông tin liên quan đến việc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại, các hoạt động trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm thương mại ngoài hoạt động trưng bày hàng hóa;
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 139, Điều 140 Luật Thương mại.

2. Nghĩa vụ của thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại (tham gia trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại)

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về hàng hóa, dịch vụ được trưng bày tại hội chợ, triển lãm thương mại;
- b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về hàng hóa trưng bày cho đơn vị tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp;
- c) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 138, Điều 139 Luật Thương mại.

Điều 29. Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định) hoặc tổ chức cho thương nhân, tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài (không bao gồm các hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại trong khuôn khổ các chương trình, hoạt động xúc tiến thương mại do Thủ tướng Chính phủ quyết định) phải thực hiện thủ tục hành chính

đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Sở Công Thương nơi tổ chức đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam;

b) Bộ Công Thương đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

3. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua dịch vụ bưu chính²⁸ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

4. Thời hạn đăng ký (căn cứ theo ngày nhận ghi trên vận đơn dịch vụ bưu chính²⁹ hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính³⁰, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến):

a) Tối đa (sớm nhất) 365 ngày và tối thiểu (chậm nhất) 30 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam;

b) Tối đa (sớm nhất) 365 ngày và tối thiểu (chậm nhất) 45 ngày trước ngày khai mạc đối với hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.

5. Hồ sơ đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại bao gồm:

²⁸ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

²⁹ Cụm từ “vận đơn bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “vận đơn dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

³⁰ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

a) 01 Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)³¹ (được bãi bỏ).

6. Nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

b) Tên, chủ đề hội chợ, triển lãm thương mại (nếu có);

c) Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;

d) Quy mô dự kiến của hội chợ, triển lãm thương mại;

đ) Việc tổ chức trưng bày hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ; việc tổ chức cấp giải thưởng, chứng nhận chất lượng, danh hiệu của hàng hóa, dịch vụ, chứng nhận uy tín, danh hiệu của thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm thương mại; việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại với danh nghĩa của tỉnh, thành phố³².

7. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trả lời xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do. Nội dung xác nhận hoặc không xác nhận thực hiện theo Mẫu số 11 hoặc Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Trường hợp có từ hai thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại trở lên đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trùng tên, chủ đề, thời gian, địa bàn, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức hiệp thương để lựa chọn thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đó.

9. Trường hợp việc hiệp thương quy định tại khoản 8 Điều này không đạt kết quả, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định xác nhận đăng ký cho một thương nhân hoặc tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại căn cứ vào các cơ sở sau đây:

³¹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

³² Bãi bỏ cụm từ “danh nghĩa Quốc gia Việt Nam” theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2020.

- a) Kết quả tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tương tự đã thực hiện;
- b) Năng lực tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại;
- c) Kinh nghiệm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cùng tên, cùng chủ đề hoặc các hội chợ, triển lãm thương mại tương tự;
- d) Đánh giá của các hiệp hội ngành hàng liên quan.

10. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc hội chợ, triển lãm thương mại, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải có văn bản theo Mẫu số 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về kết quả việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại theo những nội dung đã đăng ký và được xác nhận.

11. Hội chợ, triển lãm thương mại tổ chức tại Việt Nam phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Hàng hóa tại hội chợ, triển lãm thương mại phải được trưng bày, giới thiệu trong các gian hàng tiêu chuẩn (kích thước 3mx3m) hoặc khu vực tương đương với nhiều gian hàng tiêu chuẩn;

b) Có đầy đủ các dịch vụ phục vụ gồm: Điện, nước, an ninh, vệ sinh.

12. Việc tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam với danh nghĩa của tỉnh, thành phố phải đạt được các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 11 Điều này và các tiêu chuẩn theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố³³.

13. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hàng năm (trước ngày 01 tháng 10) công bố Danh mục địa điểm được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh trong năm sau.

14. Thương nhân tự tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài về hàng hóa, dịch vụ của mình không phải tuân thủ các quy định tại Điều này.

Điều 30. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

1. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký, thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại phải thực hiện thủ tục hành chính đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại

³³ Bãi bỏ cụm từ “Việc tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài với danh nghĩa Quốc gia Việt Nam phải đạt được tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương” theo quy định tại khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2020.

phải gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc hội chợ, triển lãm thương mại. Hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Thương nhân được lựa chọn một trong các cách thức đăng ký sửa đổi, bổ sung sau:

a) Nộp 01 hồ sơ đăng ký qua dịch vụ bưu chính³⁴ đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Nộp 01 hồ sơ đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Sử dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc không xác nhận bằng văn bản việc đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Trong trường hợp không xác nhận thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải nêu rõ lý do.

4. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại phải đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của các thương nhân, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 31. Chấm dứt hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại

1. Thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại có nghĩa vụ chấm dứt việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần hội chợ, triển lãm thương mại nếu bị cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu. Việc yêu cầu thương nhân chấm dứt hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước phát hiện thương nhân có hành vi vi phạm các quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 131, Khoản 3 Điều 133, Điều 134, Điều 135, Điều 136, Điều 137 Luật Thương mại.

2. Việc chấm dứt thực hiện hoạt động hội chợ, triển lãm thương mại phải được thương nhân tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại công bố công khai và phải đảm bảo quyền lợi của các thương nhân đã tham gia hội chợ, triển lãm thương mại đó.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại được quy định tại Luật Thương mại và Nghị định này:

³⁴ Cụm từ “đường bưu điện” được thay thế bởi cụm từ “dịch vụ bưu chính” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

a) Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

c)³⁵ Phối hợp với Kho bạc nhà nước nơi hạch toán khoản thu thực hiện đối chiếu về số tiền theo quyết định thu và số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

d) Cục Xúc tiến thương mại thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện nội dung quản lý quy định tại Khoản 1 Điều này; Tổng Cục Quản lý thị trường thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện nội dung quản lý quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

2.³⁶ (được bãi bỏ).

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về xúc tiến thương mại tại địa phương:

a) Tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính về xúc tiến thương mại thuộc thẩm quyền;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về xúc tiến thương mại của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật đối với các hành vi vi phạm pháp luật của thương nhân, tổ chức hoạt động có liên quan đến thương mại;

c) Kiểm tra, tổng hợp quyết toán với cơ quan quản lý tài chính đồng cấp về số tiền theo quyết định thu và số tiền thực thu vào ngân sách nhà nước 50% giá trị đã công bố của giải thưởng không có người trúng thưởng của chương trình khuyến mại;

³⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

³⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.

d)³⁷ Sở Công Thương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nội dung quản lý quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này và báo cáo hoạt động với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương trước ngày 20 tháng 12 hàng năm theo Mẫu số 15 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Lực lượng quản lý thị trường tại địa phương có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Tổng Cục Quản lý thị trường thực hiện các nội dung quản lý quy định tại Điểm b Khoản này.

5. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm công khai thông tin về hoạt động xúc tiến thương mại (khuyến mại, hội chợ, triển lãm thương mại):

- a) Đã được thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước;
- b) Đã được cơ quan quản lý nhà nước xác nhận đăng ký;
- c) Đã bị cơ quan quản lý nhà nước xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

2. Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 26 /VBHN-BCT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Trang thông tin điện tử Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, XTTM.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2024

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

³⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024.